CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tân Phú Việt Nam

Ngày 31/03/2025	11,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**5.8%**	**-8.3%**

DT thuần
Q1/25
753
tỷ VNĐ
QoQ: ▼161| -17.6%
YoY: ▲ 57.0| 8.1%

LN thuần
Q1/25
12.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.2| -55.9%
YoY: ▲ 7.92| 194%

LN sau thuế
Q1/25
6.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.6| -68.8%
YoY: ▲ 2.86| 86.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
4.9%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q1/25
8.2%
YoY: +/-▲ 0.5%

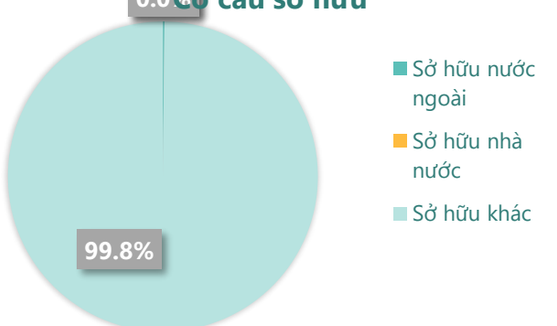
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,600 - 12,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	495
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	313,835
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	988
P/E	11.1

DT thuần
2024
3,174
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 667| 26.6%

LN thuần
2024
54.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.6| 104%

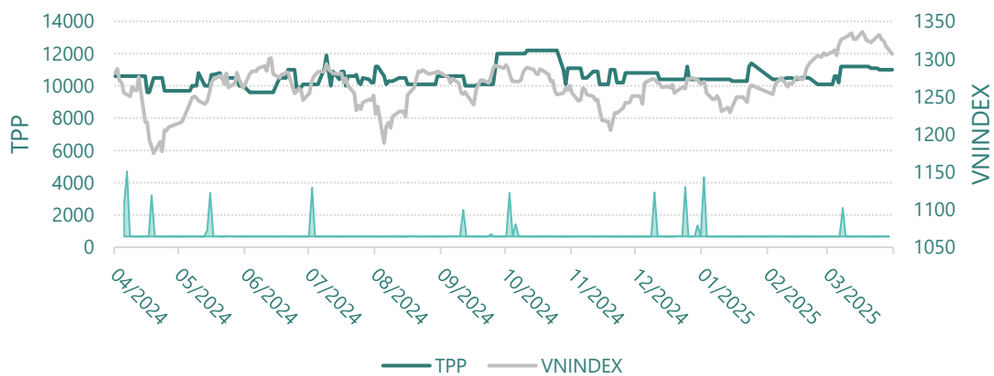
LN sau thuế
2024
41.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.6| 108%

Cơ cấu sở hữu

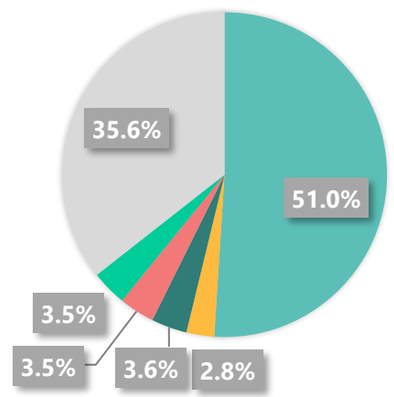


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



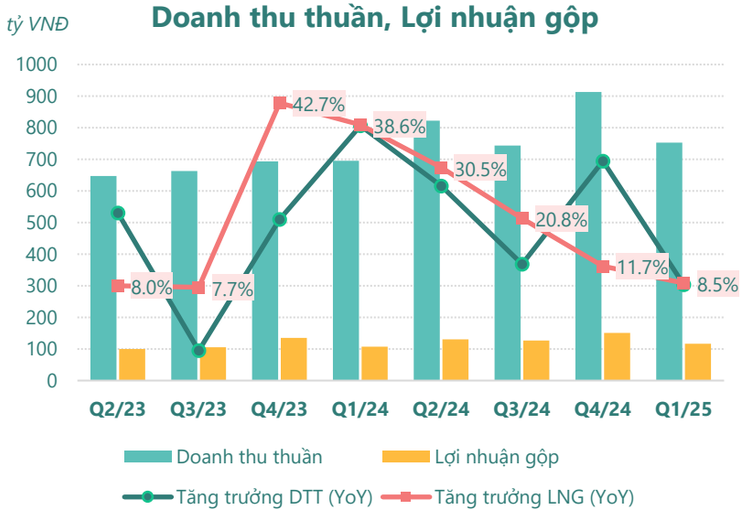
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

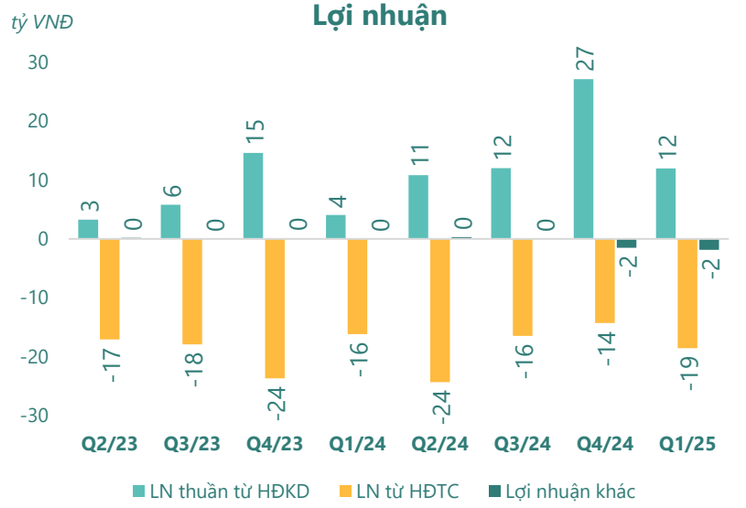
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



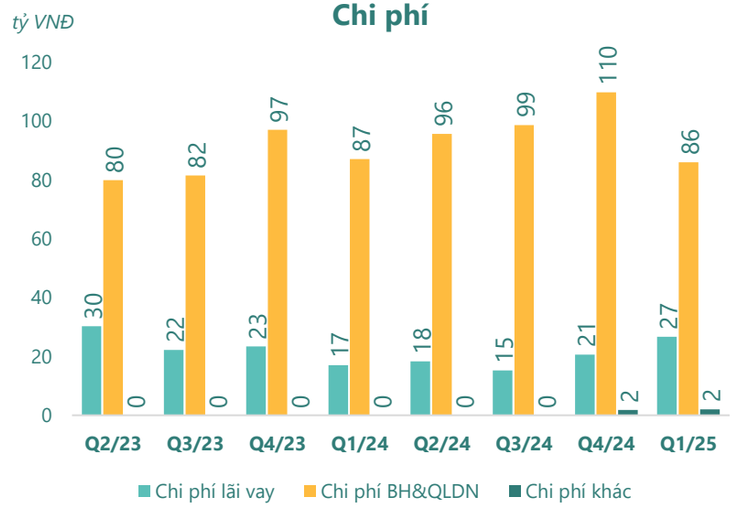
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



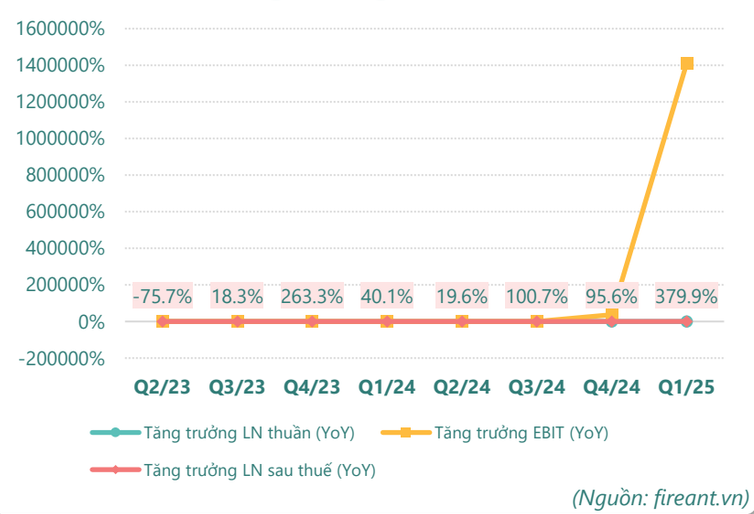
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



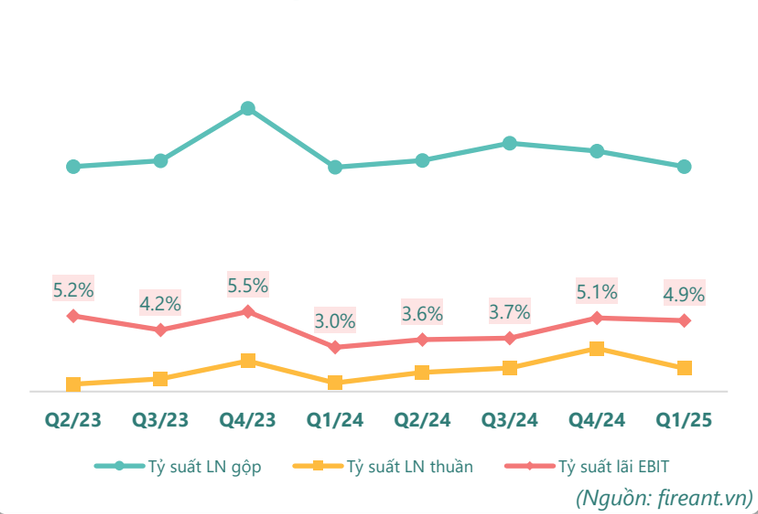
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



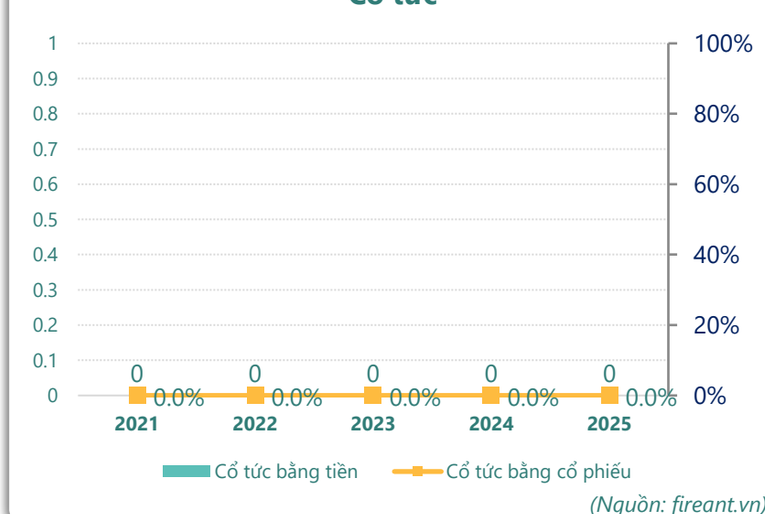
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

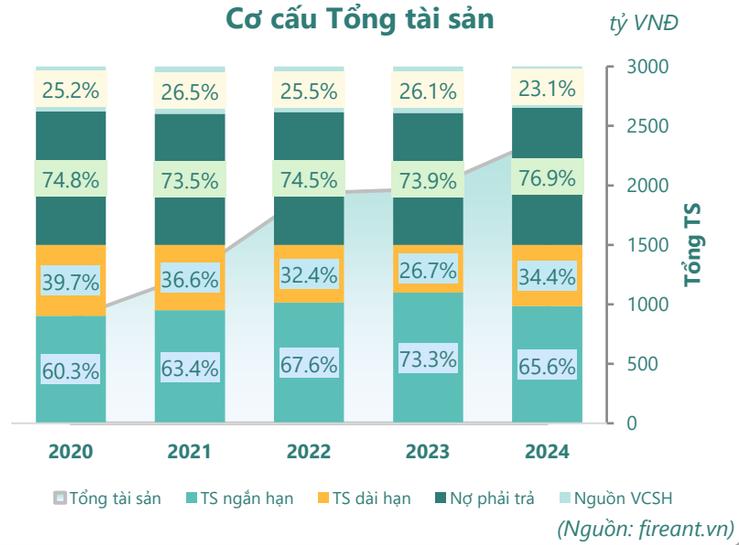
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

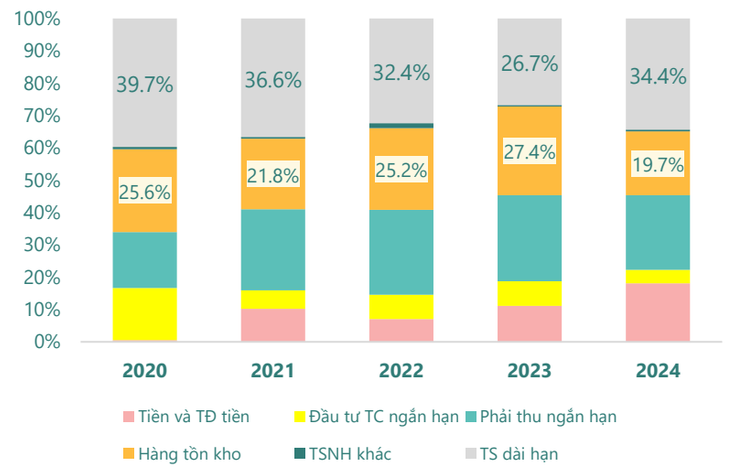
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



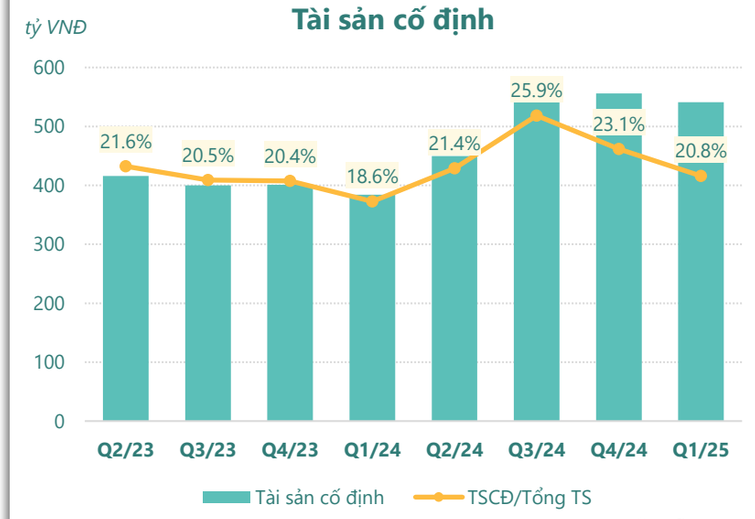
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



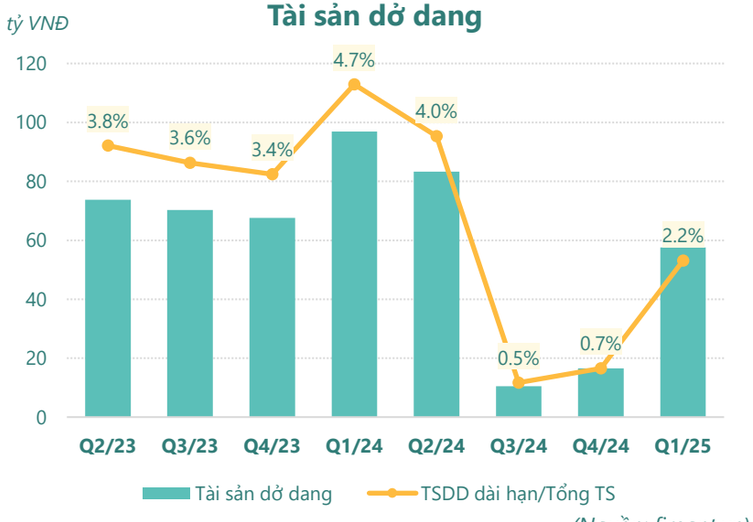
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



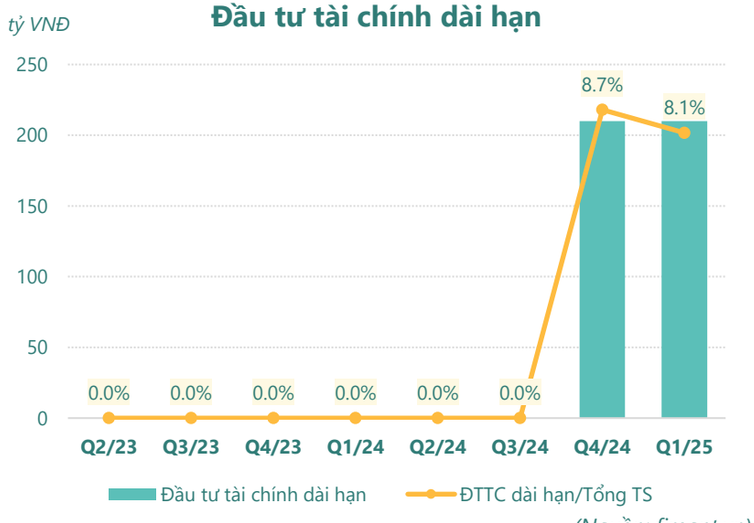
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



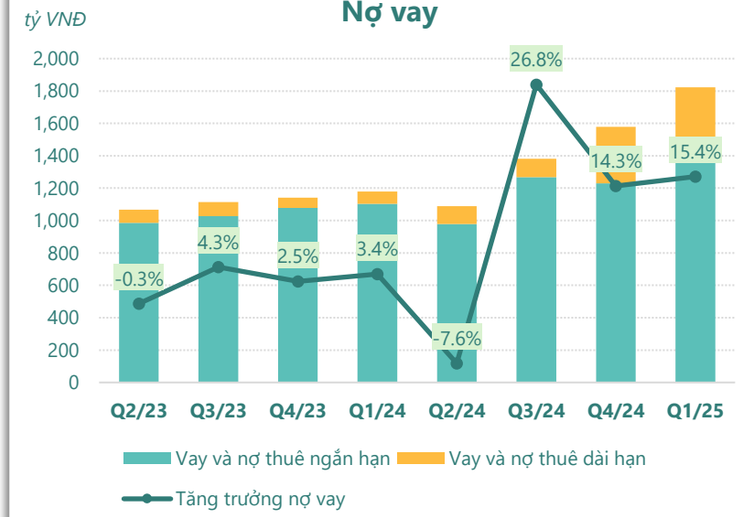
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

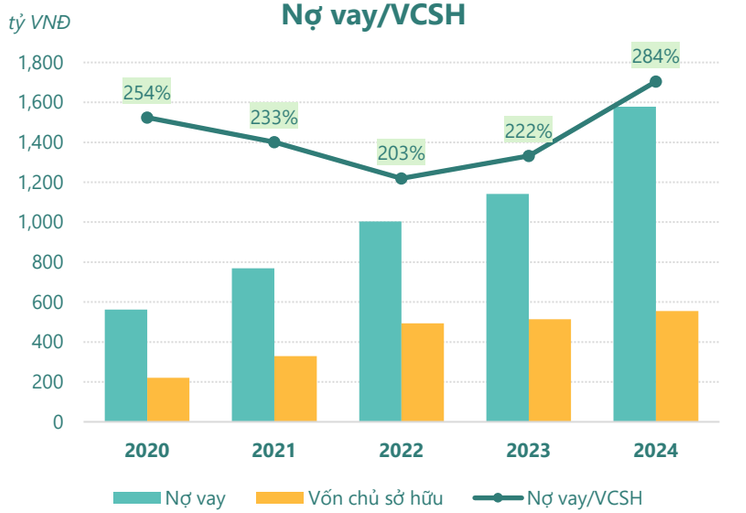
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

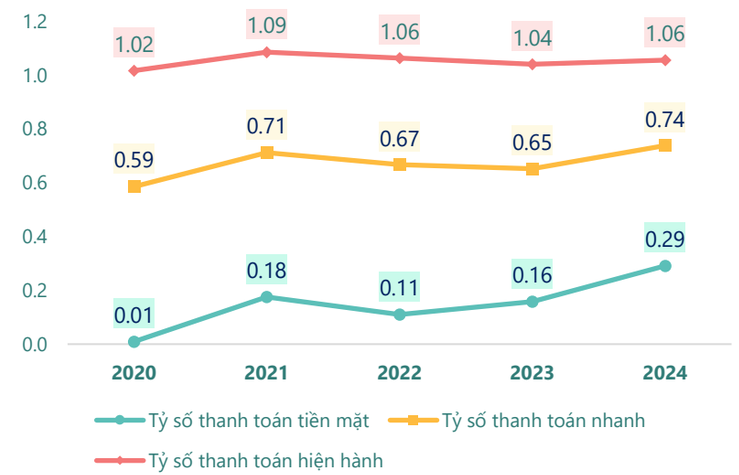
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



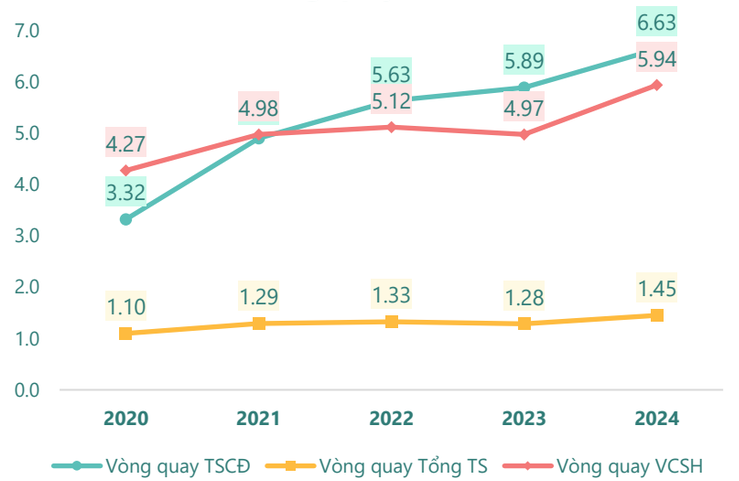
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



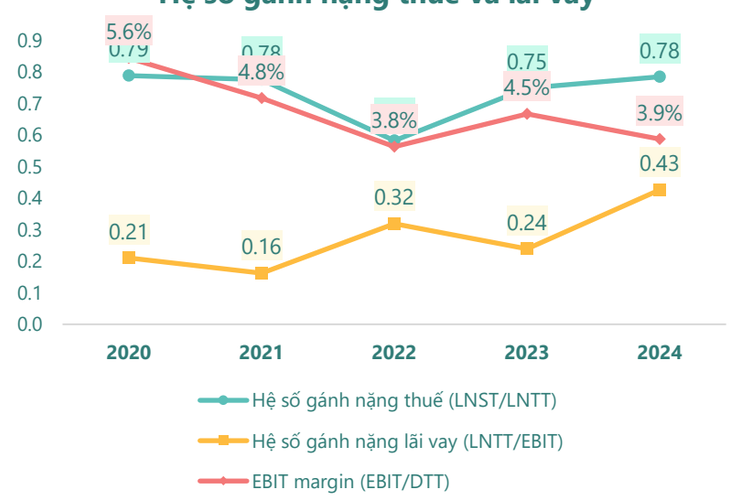
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



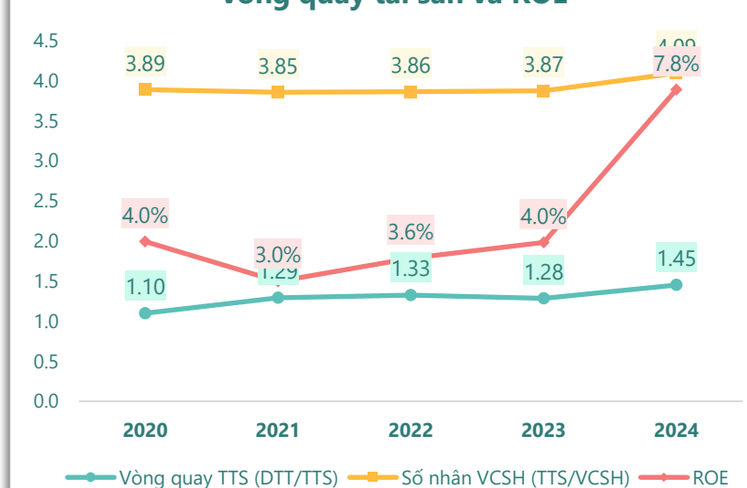
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



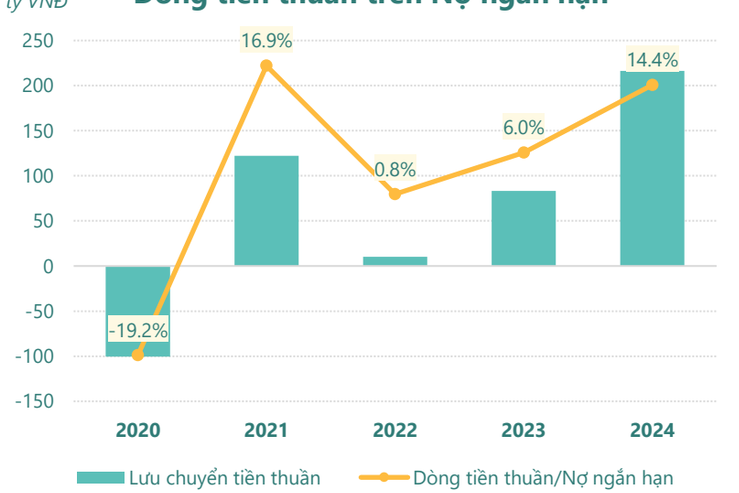
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**753**	**696**	**8.1%**	**3,174**	**2,507**	**26.6%**
Giá vốn hàng bán	636	588	8.2%	2,657	2,088	27.3%
Lợi nhuận gộp	117	107	9.0%	517	419	23.5%
Doanh thu HĐTC	9.85	8.55	15.3%	36.2	44.3	-18.3%
Chi phí TC	28.5	24.8	14.8%	108	113	-5.1%
Chi phí lãi vay	26.7	17.0	57.2%	71.3	84.9	-16.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	64.5	66.0	-2.2%	293	243	20.7%
Chi phí QLDN	**21.5**	**21.2**	**1.4%**	**98.6**	**80.4**	**22.6%**
LN thuần từ HĐKD	12.0	4.08	194%	54.1	26.5	104%
Lợi nhuận khác	**-1.85**	**0.06**	**-3185%**	**-1.10**	**0.16**	**-781%**
LN trước thuế	10.1	4.14	145%	53.0	26.7	98.6%
Lợi nhuận sau thuế	**6.17**	**3.31**	**86.5%**	**41.6**	**20.0**	**108%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.17**	**3.31**	**86.5%**	**41.6**	**20.0**	**108%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-62.4	-98.1	244	-338	303	-174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	140	-30.8	11.8	-223	-89.3	-81.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	54.5	38.4	-90.2	292	197	-72.2
Tiền đầu kỳ	87.4	220	129	295	25.0	436
Lưu chuyển tiền thuần	**132**	**-90.6**	**165**	**-270**	**411**	**-327**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.23	0	0.05	0
Tiền cuối kỳ	220	129	295	25.0	436	109

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,603**	**2,408**	**8.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,734	1,580	9.8%
Tiền và tương đương tiền	109	436	-75.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	99.6	99.5	0.1%
Phải thu ngắn hạn	808	556	45.3%
Hàng tồn kho	687	475	44.5%
Tài sản ngắn hạn khác	30.8	13.2	133%
Tài sản dài hạn	**868**	**828**	**4.8%**
Phải thu dài hạn	20.9	18.9	10.6%
Tài sản cố định	541	556	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.6	16.6	247%
Đầu tư tài chính dài hạn	210	210	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**38.6**	**27.1**	**42.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,041	1,853	10.1%
Nợ ngắn hạn	**1,621**	**1,496**	**8.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,411	1,230	14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	137	147	-7.4%
Nợ dài hạn	420	357	17.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	411	348	18.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**562**	**556**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**562**	**556**	**1.1%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)